TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05/7/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thuần, bà Phạm Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm T, xã Â, huyện L, tỉnh Hoà Bình, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: K 4, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 29/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn D), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, chị H đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Thảo V, sinh ngày 30/8/2012, hiện cháu V đang sống với anh T tại khóm 4, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị nên chị H có nguyện vọng giao cháu V cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T đã được tống đạt hợp lệ và đầy đủ tất cả các văn bản tố tụng của vụ án nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa. Thư ký thực hiện việc tống đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng cho đương sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bùi Thảo V, sinh ngày 30/8/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại k 4, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn D) huyện H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 29/6/2010, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Tại biên bản xác minh ngày 21/3/2023, Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn D cung cấp thông tin: Trong sinh hoạt hàng ngày, do bất đồng quan điểm sống nên giữa chị H và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh H sinh sống từ năm 2016 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và anh T cũng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh T không có mong muốn đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H.

[4]. Về nuôi con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Bùi Thảo V, sinh ngày 30/8/2012. Từ nhỏ đến nay, cháu V sinh sống với anh T tại thị trấn D, huyện H. Mặt khác, chị H có nguyện vọng giao cháu V cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng và cháu V cũng có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy, giao cháu V cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bùi Thảo V, sinh ngày 30/8/2012 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Bùi Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, kể từ tháng 7/2023 cho đến lúc cháu V đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai thu số CC/2021/0000306 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Chị H còn phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKS, THA huyện Hải Lăng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Diên Sanh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Khánh